TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** TỈNH CAO BẰNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 63/2019/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 22 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH CAO BẰNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lục Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Bằng;

2. Bà Nguyễn Thị Út.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 72/2019/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 9 năm 2019 về việc *"Xin ly hôn"*.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vương Thị S; sinh năm 1980

Nơi đăng ký HKTT: xóm M, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Địa chỉ: xóm B, xã B2, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: anh Lô Văn K; Sinh năm 1963.

Địa chỉ: xóm M, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lô Thị P; Sinh năm 1943.

Địa chỉ: xóm M, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vương Thị S và anh Lô Văn K nhất trí tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị S và anh K về việc sau khi ly hôn anh Lô Văn K sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Lô Thị N, sinh ngày 22/01/2003 đến đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị S và anh K về việc sau khi ly hôn chị S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đến đủ tuổi trưởng thành với số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị S và anh K cùng thừa nhận vợ chồng có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không có vay nợ chung.

Về án phí: Chị Vương Thị S và anh Lô Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm mỗi người là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn), chị S tự nguyện nộp án phí dân sự bao gồm cả phần của anh K với tổng số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2018/0001342 ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Hoà An;
- CCTHADS huyện H;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- UBND xã N, huyện H;
- UBND xã Đ, huyện H;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Lục Thanh Hải